

**BỘ TIÊU CHÍ ĐỂ XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH THỜI HẠN
HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG KHU KINH TẾ VÂN PHONG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-KKTKCN ngày /8/2025
của Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa)

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Sự cần thiết:

Hiện nay theo quy định pháp luật, thời hạn hoạt động của dự án đầu tư trong khu kinh tế không quá 70 năm, tuy nhiên không cụ thể hóa tiêu chí để xem xét, do vậy cần thiết phải xây dựng bộ tiêu chí để xem xét, quyết định thời hạn hoạt động của dự án. Bộ tiêu chí cần đảm bảo:

- Phù hợp với định hướng chiến lược phát triển của Trung ương, của tỉnh Khánh Hòa.

- Đảm bảo công bằng, minh bạch, khách quan, loại bỏ cảm tính.

- Khuyến khích các dự án có quy mô lớn, công nghệ cao, công nghệ sạch, hiệu quả xã hội và bền vững.

2. Căn cứ pháp lý:

- Theo quy định tại Điều 44 Luật Đầu tư năm 2020:

“Điều 44. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư

1. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư trong khu kinh tế không quá 70 năm.

2. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư ngoài khu kinh tế không quá 50 năm. Dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc dự án đầu tư có vốn đầu tư lớn nhưng thu hồi vốn chậm thì thời hạn hoạt động của dự án đầu tư có thể dài hơn nhưng không quá 70 năm.”

- Theo quy định Điều 172 Luật Đất đai năm 2024:

“Điều 172. Đất sử dụng có thời hạn

1. Trừ các trường hợp quy định tại Điều 171 của Luật này, thời hạn sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất được quy định như sau:

...

c) Thời hạn giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất được xem xét, quyết định theo thời hạn hoạt động của dự án đầu tư hoặc đơn xin giao đất, thuê đất nhưng không quá 50 năm.

Đối với các dự án có thời hạn hoạt động trên 50 năm **theo quy định của Luật Đầu tư** thì thời hạn giao đất, cho thuê đất theo thời hạn của dự án nhưng không quá 70 năm.”

- Điều 27 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư:

“Điều 27. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư

2. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, **nhà đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm thời hạn hoạt động của dự án đầu tư**. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư sau khi điều chỉnh không được vượt quá thời hạn quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 44 Luật Đầu tư.

3. Căn cứ **mục tiêu, quy mô, địa điểm, yêu cầu hoạt động của dự án đầu tư**, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư xem xét, **quyết định thời hạn hoạt động, điều chỉnh thời hạn hoạt động** của dự án đầu tư theo quy định tương ứng tại các khoản 1 và 2 Điều này.”

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Đầu tư năm 2020:

“2. Đối với dự án đầu tư quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều này thực hiện tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì **Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế chấp thuận chủ trương đầu tư**.”

- Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 68 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế:

“2. Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

b) **Thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan đăng ký đầu tư**, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế; ...”

II. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng đối với các dự án đầu tư có vốn ngoài ngân sách trên địa bàn Khu kinh tế Vân Phong thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư/cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa (bao gồm dự án chưa đi vào hoạt động và dự án đã đi vào hoạt động đề nghị điều chỉnh).

III. BỘ TIÊU CHÍ

1. Tiêu chí xây dựng:

Để quyết định thời gian hoạt động lên đến 70 năm của dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong, các tiêu chí được xây dựng tập trung vào 04 nội dung chính: mục tiêu, quy mô đầu tư, địa điểm, yêu cầu hoạt động của dự án, phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ trên và dựa trên các định hướng chiến lược phát triển, quy định pháp luật như sau:

- Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa;

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

- Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

- Thông tư số 15/2024/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư kinh doanh; cung cấp, đăng tải thông tin về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa về tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2025 – 2030;

- Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Khung Giám sát và Đánh giá Chuyển đổi xanh tỉnh Khánh Hòa.

2. Số lượng bộ tiêu chí: 02 bộ tiêu chí áp dụng để quyết định thời hạn hoạt động đối với dự án chưa đi vào hoạt động (*bao gồm dự án cấp mới hoặc dự án đã được cấp quyết định chủ trương đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng chưa đi vào hoạt động*) và dự án đã đi vào hoạt động đề nghị điều chỉnh.

3. Thang điểm:

Thang điểm để quyết định thời hạn hoạt động của dự án cụ thể:

- Tổng điểm ≥ 85 điểm: được xem xét thời hạn hoạt động dự án không quá 70 năm.

- Tổng điểm 75–84 điểm: được xem xét thời hạn hoạt động dự án không quá 65 năm.

- Tổng điểm 65–74 điểm: được xem xét thời hạn hoạt động dự án không quá 60 năm.

- Tổng điểm 50–64 điểm: được xem xét thời hạn hoạt động dự án không quá 55 năm.

- Tổng điểm < 50 điểm: được xem xét thời hạn hoạt động dự án không quá 50 năm hoặc không nâng thời hạn.

4. Nội dung tiêu chí cụ thể:

4.1. Bộ tiêu chí áp dụng cho dự án chưa đi vào hoạt động:

**BẢNG 1. BỘ TIÊU CHÍ ÁP DỤNG CHO DỰ ÁN CHƯA ĐI VÀO
HOẠT ĐỘNG**

*(Áp dụng cho dự án cấp mới hoặc đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư/
Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng chưa đi vào hoạt động)*

Tiêu chí	Nội dung chi tiết	Thang điểm																		
1. Mục tiêu đầu tư (điểm tối đa 30đ)	- Nhóm 1: các dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Vân Phong tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội.	30đ																		
	- Nhóm 2: các dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 36a Luật Đầu tư.	25đ																		
	- Nhóm 3: các dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và không thuộc các dự án nhóm 1 và nhóm 2 trên.	20đ																		
2. Quy mô đầu tư (điểm tối đa 25đ)	2.1. Các dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Vân Phong tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội.	25đ																		
	2.2. Các dự án thuộc nhóm 2, nhóm 3 tại Mục 1 trên.																			
	<table><tr><th>Ngành</th><th>Tổng vốn đầu tư tối thiểu¹</th></tr><tr><td>Đổi mới sáng tạo, R&D</td><td>≥ 1.000 tỷ đồng</td></tr><tr><td>Logistics, cảng biển, sân bay</td><td>≥ 2.000 tỷ đồng</td></tr><tr><td>Hạ tầng KCN, Khu phi thuế quan</td><td>≥ 4.200 tỷ đồng</td></tr><tr><td>Công nghiệp chế biến, chế tạo</td><td>≥ 4.200 tỷ đồng</td></tr><tr><td>Du lịch nghỉ dưỡng</td><td>≥ 10.000 tỷ đồng</td></tr><tr><td>Trung tâm thương mại, tài chính</td><td>≥ 10.000 tỷ đồng</td></tr><tr><td>Khu đô thị</td><td>≥ 10.000 tỷ đồng</td></tr><tr><td>Và các ngành nghề khác</td><td>≥ 6.000 tỷ đồng</td></tr></table>	Ngành	Tổng vốn đầu tư tối thiểu ¹	Đổi mới sáng tạo, R&D	≥ 1.000 tỷ đồng	Logistics, cảng biển, sân bay	≥ 2.000 tỷ đồng	Hạ tầng KCN, Khu phi thuế quan	≥ 4.200 tỷ đồng	Công nghiệp chế biến, chế tạo	≥ 4.200 tỷ đồng	Du lịch nghỉ dưỡng	≥ 10.000 tỷ đồng	Trung tâm thương mại, tài chính	≥ 10.000 tỷ đồng	Khu đô thị	≥ 10.000 tỷ đồng	Và các ngành nghề khác	≥ 6.000 tỷ đồng	
	Ngành	Tổng vốn đầu tư tối thiểu ¹																		
	Đổi mới sáng tạo, R&D	≥ 1.000 tỷ đồng																		
	Logistics, cảng biển, sân bay	≥ 2.000 tỷ đồng																		
	Hạ tầng KCN, Khu phi thuế quan	≥ 4.200 tỷ đồng																		
	Công nghiệp chế biến, chế tạo	≥ 4.200 tỷ đồng																		
	Du lịch nghỉ dưỡng	≥ 10.000 tỷ đồng																		
	Trung tâm thương mại, tài chính	≥ 10.000 tỷ đồng																		
Khu đô thị	≥ 10.000 tỷ đồng																			
Và các ngành nghề khác	≥ 6.000 tỷ đồng																			

¹ Tổng vốn đầu tư không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng.

Tiêu chí	Nội dung chi tiết	Thang điểm
	Nhóm 1: các dự án có tổng vốn đầu tư $\geq 100\%$ mức tổng vốn đầu tư tối thiểu nêu trên.	20đ
	Nhóm 2: các dự án có tổng vốn đầu tư từ 70% đến dưới 100% mức tổng vốn đầu tư tối thiểu nêu trên.	15đ
	Nhóm 3: các dự án có tổng vốn đầu tư từ 50% đến dưới 70% mức tổng vốn đầu tư tối thiểu nêu trên.	10đ
3. Địa điểm đầu tư (điểm tối đa 5đ)	Thuộc địa bàn KKT Vân Phong, phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đất đai.	5đ
4. Yêu cầu hoạt động dự án (điểm tối đa 40đ)		
4.1. Năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư	- Nhóm 1: Nhà đầu tư đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội.	20đ
	- Nhóm 2: Có kinh nghiệm thực hiện tối thiểu 01 dự án tương tự hoặc tương đương ở Việt Nam hoặc nước ngoài, đã đi vào hoạt động hoặc đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn, với quy mô tổng vốn đầu tư $\geq 70\%$ mức tổng vốn đầu tư của nhóm dự án thuộc Mục 2.2 trên.	15đ
	- Nhóm 3: Có kinh nghiệm thực hiện tối thiểu 01 dự án tương tự hoặc tương đương ở Việt Nam hoặc nước ngoài, đã đi vào hoạt động hoặc đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn, với quy mô tổng vốn đầu tư từ 50% đến dưới 70% mức tổng vốn đầu tư của nhóm dự án thuộc Mục 2.2 trên.	10đ
4.2. Thời gian thu hồi vốn	Thời gian thu hồi vốn của dự án ≥ 15 năm.	5đ
4.3. Hiệu quả kinh tế - xã hội	- Cam kết tạo nhiều việc làm (≥ 500 lao động).	5đ
4.4. Môi trường	- Cam kết đầu tư và sử dụng năng lượng tái tạo.	5đ
	- Cam kết xây dựng công trình hiệu quả năng lượng, công trình tiết kiệm tài nguyên, công trình xanh.	5đ
5. Điểm cộng, điểm trừ		

Tiêu chí	Nội dung chi tiết	Thang điểm
5.1. Tỷ lệ đất cây xanh trong dự án	- Tỷ lệ đất cây xanh trong dự án $\geq 15\%$ tỷ lệ đất cây xanh quy định về loại dự án tại Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD hoặc so với tỷ lệ đất cây xanh quy định tại quy hoạch phân khu được duyệt.	+5đ
	- Tỷ lệ đất cây xanh trong dự án $\geq 30\%$ tỷ lệ đất cây xanh quy định về loại dự án tại Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD hoặc so với tỷ lệ đất cây xanh quy định tại quy hoạch phân khu được duyệt.	+10đ
5.2. Tuân thủ quy định của pháp luật	Sự tuân thủ pháp luật về đầu tư, đất đai, môi trường, xây dựng trong vòng 2 năm kể từ thời điểm nộp hồ sơ (đối với trường hợp dự án đã được cấp phép đầu tư nhưng chưa đi vào hoạt động).	Mỗi trường hợp vi phạm -5đ.
	TỔNG ĐIỂM (100 điểm) (chưa bao gồm điểm cộng, điểm trừ)	

4.2. Bộ tiêu chí áp dụng cho dự án đã đi vào hoạt động đề nghị điều chỉnh:

BẢNG 2. BỘ TIÊU CHÍ ÁP DỤNG CHO DỰ ÁN ĐÃ ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH

Tiêu chí	Nội dung chi tiết	Thang điểm																		
1. Mục tiêu đầu tư (điểm tối đa 25đ)	- Nhóm 1: các dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Vân Phong tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội.	25đ																		
	- Nhóm 2: các dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 36a Luật Đầu tư.	20đ																		
	- Nhóm 3: các dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và không thuộc các dự án nhóm 1 và nhóm 2 trên.	15đ																		
2. Quy mô đầu tư (điểm tối đa 25đ)	2.1. Các dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Vân Phong tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội.	25đ																		
	2.2. Các dự án thuộc nhóm 2, nhóm 3 tại Mục 1 trên.																			
	<table><tr><th>Ngành</th><th>Tổng vốn đầu tư tối thiểu²</th></tr><tr><td>Đổi mới sáng tạo, R&D</td><td>≥ 1.000 tỷ đồng</td></tr><tr><td>Logistics, cảng biển, sân bay</td><td>≥ 2.000 tỷ đồng</td></tr><tr><td>Hạ tầng KCN, Khu phi thuế quan</td><td>≥ 4.200 tỷ đồng</td></tr><tr><td>Công nghiệp chế biến, chế tạo</td><td>≥ 4.200 tỷ đồng</td></tr><tr><td>Du lịch nghỉ dưỡng</td><td>≥ 10.000 tỷ đồng</td></tr><tr><td>Trung tâm thương mại, tài chính</td><td>≥ 10.000 tỷ đồng</td></tr><tr><td>Khu đô thị</td><td>≥ 10.000 tỷ đồng</td></tr><tr><td>Và các ngành nghề khác</td><td>≥ 6.000 tỷ đồng</td></tr></table>	Ngành	Tổng vốn đầu tư tối thiểu ²	Đổi mới sáng tạo, R&D	≥ 1.000 tỷ đồng	Logistics, cảng biển, sân bay	≥ 2.000 tỷ đồng	Hạ tầng KCN, Khu phi thuế quan	≥ 4.200 tỷ đồng	Công nghiệp chế biến, chế tạo	≥ 4.200 tỷ đồng	Du lịch nghỉ dưỡng	≥ 10.000 tỷ đồng	Trung tâm thương mại, tài chính	≥ 10.000 tỷ đồng	Khu đô thị	≥ 10.000 tỷ đồng	Và các ngành nghề khác	≥ 6.000 tỷ đồng	
	Ngành	Tổng vốn đầu tư tối thiểu ²																		
	Đổi mới sáng tạo, R&D	≥ 1.000 tỷ đồng																		
	Logistics, cảng biển, sân bay	≥ 2.000 tỷ đồng																		
	Hạ tầng KCN, Khu phi thuế quan	≥ 4.200 tỷ đồng																		
	Công nghiệp chế biến, chế tạo	≥ 4.200 tỷ đồng																		
	Du lịch nghỉ dưỡng	≥ 10.000 tỷ đồng																		
	Trung tâm thương mại, tài chính	≥ 10.000 tỷ đồng																		
Khu đô thị	≥ 10.000 tỷ đồng																			
Và các ngành nghề khác	≥ 6.000 tỷ đồng																			

² Tổng vốn đầu tư không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng.

Tiêu chí	Nội dung chi tiết	Thang điểm
	Nhóm 1: các dự án có tổng vốn đầu tư $\geq 100\%$ mức tổng vốn đầu tư tối thiểu nêu trên.	20đ
	Nhóm 2: các dự án có tổng vốn đầu tư từ 70% đến dưới 100% mức tổng vốn đầu tư tối thiểu nêu trên.	15đ
	Nhóm 3: các dự án có tổng vốn đầu tư từ 50% đến dưới 70% mức tổng vốn đầu tư tối thiểu nêu trên.	10đ
3. Địa điểm đầu tư (điểm tối đa 5đ)	Thuộc địa bàn KKT Vân Phong, phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đất đai.	5đ
4. Yêu cầu hoạt động dự án (điểm tối đa 45đ)		
4.1 Năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư	- Nhóm 1: Nhà đầu tư đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội.	20đ
	- Nhóm 2: Có kinh nghiệm thực hiện tối thiểu 01 dự án tương tự hoặc tương đương ở Việt Nam hoặc nước ngoài, đã đi vào hoạt động hoặc đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn, với quy mô tổng vốn đầu tư $\geq 70\%$ mức tổng vốn đầu tư của nhóm dự án thuộc Mục 2.2 trên.	15đ
	- Nhóm 3: Có kinh nghiệm thực hiện tối thiểu 01 dự án tương tự hoặc tương đương ở Việt Nam hoặc nước ngoài, đã đi vào hoạt động hoặc đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn, với quy mô tổng vốn đầu tư từ 50% đến dưới 70% mức tổng vốn đầu tư của nhóm dự án thuộc Mục 2.2 trên.	10đ
4.2 Hiệu quả kinh tế - xã hội	- Đóng góp vào ngân sách nhà nước (không bao gồm tiền thuê đất) năm trước liền kề ≥ 300 tỷ đồng/năm.	10đ
	- Tạo nhiều việc làm (≥ 500 lao động).	10đ
4.3 Môi trường	- Có tài liệu chứng minh dự án đã áp dụng công nghệ sạch, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao.	5đ
5. Điểm cộng, điểm trừ		

Tiêu chí	Nội dung chi tiết	Thang điểm
5.1. Tỷ lệ đất cây xanh trong dự án	- Tỷ lệ đất cây xanh trong dự án $\geq 15\%$ tỷ lệ đất cây xanh quy định về loại dự án tại Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD hoặc so với tỷ lệ đất cây xanh quy định tại quy hoạch phân khu được duyệt.	+5đ
	- Tỷ lệ đất cây xanh trong dự án $\geq 30\%$ tỷ lệ đất cây xanh quy định về loại dự án tại Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD hoặc so với tỷ lệ đất cây xanh quy định tại quy hoạch phân khu được duyệt.	+10đ
5.2. Tỷ lệ giải ngân	Nhà đầu tư đã thực hiện giải ngân $\geq 50\%$ tổng vốn đầu tư dự án.	+5đ.
5.3. Tuân thủ quy định của pháp luật	Sự tuân thủ pháp luật về đầu tư, đất đai, môi trường, xây dựng trong vòng 2 năm kể từ thời điểm nộp hồ sơ.	Mỗi trường hợp vi phạm -5đ.
	TỔNG ĐIỂM (100 điểm) (chưa bao gồm điểm cộng, điểm trừ)	